

NGHỊ QUYẾT
về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2016 về nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2017 và Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân huyện về nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh 6 tháng cuối năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018;

Xét Tờ trình số 369/TTr-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của UBND huyện về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2017 và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2018; các Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của huyện Côn Đảo năm 2017:

Nhìn chung, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh của huyện năm 2017, tiếp tục duy trì sự phát triển ổn định; phần lớn chỉ tiêu kinh tế - xã hội đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, nhất là lĩnh vực thương mại – dịch vụ. Về văn hoá, văn nghệ có nhiều hoạt động phong phú, thiết thực; chất lượng giáo dục, y tế ngày càng được nâng cao, an sinh xã hội được đảm bảo. Huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương, an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Bên cạnh đó, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: tiến độ triển khai các dự án còn chậm; các đề án về môi trường kéo dài nhiều năm vẫn chưa triển khai

được, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư đạt thấp; khó khăn về cơ sở vật chất trường lớp và đội ngũ giáo viên chưa được khắc phục một cách căn cơ.

Điều 2. Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2018:

Hội đồng nhân dân huyện nhất trí với các chỉ tiêu nhiệm vụ trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2018 mà Ủy ban nhân dân huyện trình kỳ họp. Cụ thể:

1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu:

a. Các chỉ tiêu về kinh tế:

- Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá cố định 2010): 153,05 tỷ đồng.
- Giá trị sản xuất nông nghiệp (theo giá cố định 2010): 23,23 tỷ đồng.
- Giá trị sản xuất ngư nghiệp (theo giá cố định 2010): 38,27 tỷ đồng.
- Doanh thu thương mại - dịch vụ: 2.330 tỷ đồng. (trong đó, doanh thu dịch vụ du lịch là 1.250 tỷ đồng).
- Lượng khách du lịch đến Côn Đảo: 260.000 lượt khách, (trong đó khách quốc tế là 32.000 lượt khách).
- Lượng khách vận chuyển đường biển: 120.000 lượt khách (trong đó: Đội tàu Côn Đảo 09 và Côn Đảo 10 dự kiến vận chuyển 50.000 lượt khách).
- Tổng thu ngân sách nhà nước: 307,20 tỷ đồng (không tính chuyển nguồn và kết dư năm trước chuyển sang); tổng chi ngân sách địa phương: 288,83 tỷ đồng.

b. Các chỉ tiêu văn hoá - xã hội:

- Tỷ lệ các cháu vào nhà trẻ so với nhóm tuổi: 68,55%
- Tỷ lệ các cháu vào mẫu giáo so với nhóm tuổi: 100%
- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi: 5%
- Tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên: 32%
- Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa: 95 %
- Mức hưởng thụ văn hóa đạt: 31 lần.
- Giải quyết việc làm cho 300 lao động; tạo việc làm mới cho 150 lao động: 150%

c. Các chỉ tiêu về môi trường:

Tỷ lệ hộ dân trên địa bàn được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước đạt 99%; Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom 97% và xử lý 50% rác thải sinh hoạt được thu gom.

2. Các giải pháp chủ yếu:

a. Về kinh tế:

- Tổ chức quản lý, kiểm tra chặt chẽ các hoạt động du lịch, môi trường và an ninh trật tự tại các khu, tuyến, điểm du lịch, các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch. Kiểm soát, ngăn chặn việc đầu cơ, tăng giá hàng hóa, hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng.

- Triển khai thực hiện quy hoạch phát triển nông nghiệp huyện Côn Đảo đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030: tăng cường công tác khuyến nông, khuyến ngư, bảo vệ thực vật, thú y, phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm. Xây

dựng và triển khai Đề án ngăn chặn việc phá rừng, lấn chiếm đất rừng trên địa bàn huyện.

- Triển khai nhiệm vụ đầu tư phát triển ngay từ đầu năm: chủ đầu tư triển khai dự án đảm bảo tiến độ thi công, chất lượng kỹ - mỹ thuật và giải ngân vốn theo khối lượng thực hiện, không dồn khối lượng giải ngân vào những tháng cuối năm. Tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác đền bù, đẩy nhanh tiến độ giải phóng, bàn giao mặt bằng cho các chủ đầu tư triển khai dự án đúng kế hoạch, tiến độ đề ra.

- Tăng cường chỉ đạo, điều hành thu, chi ngân sách: đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí; tăng cường các biện pháp thu thuế, chống thất thu thuế; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về thuế.

- Tăng cường trách nhiệm trong quản lý tài sản công: làm tốt việc phân cấp quản lý và xử lý tài sản công; chủ động xây dựng và trình phê duyệt (nếu cần) phương án để đưa vào khai thác, sử dụng các cơ sở vật chất hạ tầng ngay từ khi nhận bàn giao, khắc phục hữu hiệu tình trạng lãng phí trong lĩnh vực này.

b. Về văn hoá - xã hội:

- Chủ động công tác phòng, tránh dịch bệnh; giám sát chặt chẽ các cơ sở hành nghề y, dược tư nhân; thường xuyên kiểm tra công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Quan tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, tiêm chủng mở rộng cho 100% trẻ trong độ tuổi. Tiếp tục thực hiện chính sách BHYT cho người dân Côn Đảo.

- Quan tâm chất lượng giáo dục văn hóa, thực hiện phổ cập giáo dục các cấp học, đảm bảo tất cả các em trong độ tuổi học sinh phổ thông và mẫu giáo 5 tuổi được đến trường. Quan tâm thực hiện việc xây dựng Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; Trường Tiểu học (khu dân cư số 3), Trường Mầm non (khu dân cư số 9). trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020

- Chú trọng nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tại các khu dân cư. Làm tốt công tác tuyên truyền cổ động trực quan, đa dạng các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nâng cao chất lượng các lễ hội của địa phương. Làm tốt công tác tiếp và phát sóng các chương trình truyền thanh, truyền hình.

- Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội. Hỗ trợ và tạo điều kiện để phát triển kinh tế, ổn định và cải thiện cuộc sống, triển khai đồng bộ các chính sách về y tế, giáo dục, nhà ở..., giúp các hộ thoát nghèo vươn lên, không để xảy ra tái nghèo trên địa bàn.

- Phối hợp thực hiện tốt công tác gìn giữ, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử đặc biệt cấp quốc gia, Vườn Quốc gia - Khu Ramsar Côn Đảo.

c. Về quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường:

- Tăng cường quản lý quy hoạch, đất đai, xây dựng trên địa bàn. Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực đất đai, xây dựng; kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm những trường hợp lấn chiếm đất công, xây dựng trái phép. Giải quyết dứt điểm các hồ sơ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng; khắc phục tình trạng hồ sơ tồn đọng, quá hạn, làm rõ trách nhiệm

của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức.

- Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm tất cả các trường hợp gây ô nhiễm môi trường, nhất là việc gây ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm không khí. Nghiêm cấm việc khai thác tài nguyên đất, đá trái phép để làm vật liệu san lấp và xây dựng, gây tác động xấu đến cảnh quan môi trường trên địa bàn.

d. Công tác nội vụ, cải cách hành chính:

- Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, rà soát chức năng, nhiệm vụ, bố trí biên chế cơ cấu, vị trí việc làm, đảm bảo tinh, gọn, hiệu quả. Thực hiện hiệu quả Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

- Sáp nhập các tổ dân cư, khu dân cư một cách phù hợp, tinh gọn; Xây dựng, chuẩn hoá bản đồ địa giới hành chính các khu dân cư; Tổ chức bầu cử chức danh Trưởng khu dân cư nhiệm kỳ 2018 – 2020.

- Tăng cường công tác tiếp dân, đối thoại với công dân, làm tốt công tác dân vận của chính quyền. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo của công dân, hạn chế thấp nhất việc công dân khiếu - kiện dây dora, vượt cấp.

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, thường xuyên rà soát, cập nhật các quy định của pháp luật để đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Đẩy mạnh áp dụng Bộ tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001-2008 và hệ thống Egate vào thực hiện các thủ tục hành chính công. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc của các đơn vị, rút ngắn thời gian thực hiện, giảm bớt giấy tờ trong xử lý các văn bản.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thanh tra năm 2018, chú trọng thanh tra công vụ, công chức, thanh tra trách nhiệm người đứng đầu. Tăng cường công tác theo dõi và triển khai kịp thời các giải pháp phòng chống thiên tai trên địa bàn huyện.

e) Về quốc phòng - an ninh:

- Tiếp tục tăng cường xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, củng cố xây dựng khu vực phòng thủ, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo. Tăng cường thực hiện chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, thực hiện chế độ trực ban, trực chiến; công tác thông tin liên lạc, hậu cần luôn đảm bảo. Làm tốt công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Thường xuyên tổ chức công tác huấn luyện, xây dựng lực lượng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, dự bị động viên vững mạnh. Tăng cường công tác giáo dục quốc phòng - an ninh cho các đối tượng.

- Duy trì, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Nắm chắc tình hình địa bàn, đối tượng; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, quản lý nhân hộ khẩu, phòng chống cháy nổ, nơi tập trung đông người; triển khai các biện pháp bảo vệ các khu vực trọng yếu. Tăng cường các biện pháp kiểm tra, kiểm soát nhằm đảm bảo an toàn giao thông đường bộ, đường thủy nội địa; thường xuyên thực hiện công tác phòng chống tội phạm và các loại tai nạn, tệ nạn xã hội.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Giao Thường trực, các Ban, các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tăng cường công tác giám sát trong quá trình thực hiện Nghị quyết này.

Hội đồng nhân dân huyện đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các đoàn thể chính trị của huyện tiếp tục thực hiện vai trò giám sát và vận động nhân dân tích cực tham gia cùng chính quyền thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2018.

Nghị quyết này đã được Kỳ họp lần thứ Sáu HĐND huyện Côn Đảo khóa XI, thông qua ngày 22 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTr: HĐND, UBND tỉnh BR-VT;
- TTr: Huyện uỷ, UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND, đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, khu dân cư;
- Đăng Công TTĐT của HĐND huyện;
- Lưu: VT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Minh Nhựt

**BIỂU ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI
HUYỆN CÔN ĐẢO NĂM 2017 - KẾ HOẠCH NĂM 2018**

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH năm 2016	NĂM 2017		KH năm 2018	SO SÁNH					
			NQ HĐND (KH)	UTH		UTH 2017 so với TH 2016		UTH 2017 so với KH (NQ) 2017		KH 2018 so với UTH 2017	
						So sánh %	Tỷ lệ tăng/giảm	So sánh %	Tỷ lệ tăng/giảm	So sánh %	Tỷ lệ tăng/giảm
1	2	3	4	5	6	7=5/3*100	8	9=5/4*100	10	11=6/5*100	12
I/ DÂN SỐ.											
- Dân số trung bình	người	6,980	7,100	7,030	7,100	100.72	0.72	99.01	-0.99	101.00	1.00
- Tỷ lệ tăng tự nhiên	%	0.80	0.80	0.80	0.90	100.00	0.00	112.50	12.50	88.89	-11.11
- Tỷ lệ tăng cơ học											
II/ CÁC NGÀNH KINH TẾ											
1/ NGÀNH CÔNG NGHIỆP											
a. Giá trị sản xuất											
+ Tính theo giá cố định năm 2010	tỷ đồng	119.90	125.11	149.74	153.05	124.89	24.89	119.69	19.69	102.21	2.21
- Quốc doanh	tỷ đồng	53.90	56.49	44.96	45.96	83.41	-16.59	79.59	-20.41	102.23	2.23
- Ngoài Quốc doanh	tỷ đồng	66.00	68.62	104.78	107.09	158.76	58.76	152.70	52.70	102.21	2.21
+ Tính theo giá hiện hành	tỷ đồng	148.90	155.00	174.44	178.30	117.15	17.15	112.54	12.54	102.21	2.21
- Quốc doanh	tỷ đồng	66.60	69.00	50.18	51.30	75.35	-24.65	72.72	-27.28	102.23	2.23
- Ngoài Quốc doanh	tỷ đồng	82.30	86.00	124.26	127.00	150.98	50.98	144.49	44.49	102.21	2.21
b. Sản phẩm chủ yếu											
- Điện sản xuất	1000kwh	18,619	19,500	22,761	23,000	122.25	22.25	116.72	16.72	101.05	1.05
- Điện thương phẩm	1000kwh	16,470	17,900	21,068	21,280	127.92	27.92	117.70	17.70	101.01	1.01
- Nước máy thương phẩm	1000m3	800.74	797.26	911.06	828.00	113.78	13.78	114.27	14.27	90.88	-9.12
- Nước đá	1000 tấn	90.72	95.00	99.75	100.00	109.95	9.95	105.00	5.00	100.25	0.25
- Đá xây dựng	1000 m3	24.00	20.00	21.20	22.50	88.33	-11.67	106.00	6.00	106.13	6.13
2/ NGÀNH NÔNG NGHIỆP											
a. Giá trị sản xuất											

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH năm 2016	NĂM 2017		KH năm 2018	SO SÁNH					
			NQ HOND (KH)	UTH		UTH 2017 so với TH 2016		UTH 2017 so với KH (NQ) 2017		KH 2018 so với UTH 2017	
						So sánh %	Tỷ lệ tăng/giảm	So sánh %	Tỷ lệ tăng/giảm	So sánh %	Tỷ lệ tăng/giảm
1	2	3	4	5	6	7=5/3*100	8	9=5/4*100	10	11=6/5*100	12
+ Tính theo giá cố định năm 2010	tỷ đồng	15.93	17.79	22.10	23.23	138.73	38.73	124.23	24.23	105.10	5.10
- Trồng trọt	tỷ đồng	3.25	3.64	6.61	6.853	203.38	103.38	181.59	81.59	103.68	3.68
- Chăn nuôi	tỷ đồng	12.68	14.15	15.49	16.374	122.16	22.16	109.47	9.47	105.70	5.70
+ Tính theo giá hiện hành	tỷ đồng	36.55	40.00	40.41	42.50	110.56	10.56	101.03	1.02	105.17	5.17
+ Trồng trọt	tỷ đồng	5.31	6.00	10.61	11.00	199.81	99.81	176.83	76.83	103.68	3.68
+ Chăn nuôi	tỷ đồng	31.24	34.00	29.80	31.50	95.39	-4.61	87.65	-12.35	105.70	5.70
b. Sản phẩm chủ yếu											
+ Tổng đàn trâu bò	con	180	180	297	297	165.00	65.00	165.00	65.00	100.00	0.00
+ Tổng đàn heo	con	700	700	1,200	1,200	171.43	71.43	171.43	71.43	100.00	0.00
+ Tổng đàn gia cầm	con	5,500	5,500	8,615	8,615	156.64	56.64	156.64	56.64	100.00	0.00
+ Sản lượng thịt các loại	tấn	850	870	900	920	105.88	5.88	103.45	3.45	102.22	2.22
3/ NGÀNH THỦY SẢN											
a. Giá trị sản xuất											
+ Tính theo giá cố định năm 2010	tỷ đồng	26.27	28.00	37.68	38.27	143.43	43.43	134.57	34.57	101.57	1.57
+ Tính theo giá hiện hành	tỷ đồng	43.57	45.00	62.52	63.5	143.49	43.49	138.93	38.93	101.57	1.57
b. Sản lượng	tấn	903.50	915.00	974.57	986	107.87	7.87	106.51	6.51	101.17	1.17
+ Khai thác hải sản	tấn	890.50	900.00	930.05	940.00	104.44	4.44	103.34	3.34	101.07	1.07
+ Nuôi trồng thủy sản	tấn	13.00	15.00	44.52	46.00	342.46	242.46	296.80	196.80	103.32	3.32
4/ THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ	tỷ đồng	1,686.45	1,746.70	2,224.58	2,330.00	131.91	31.91	127.36	27.36	104.74	4.74
a. Doanh thu thương mại	tỷ đồng	664.57	710.00	771.78	785.00	116.13	16.13	108.70	8.70	101.71	1.71
b. Doanh thu Dịch vụ	tỷ đồng	1,021.88	1,036.70	1,452.80	1,545.00	142.17	42.17	140.14	40.14	106.35	6.35
Trong đó:											
+ Doanh thu Du lịch	tỷ đồng	802.24	810.00	1,166.00	1,250.00	145.34	45.34	143.95	43.95	107.20	7.20
Tổng lượt khách tham quan du lịch Côn Đảo	lượt khách	166,947	170,000	243,934	260,000	146.11	46.11	143.49	43.49	106.59	6.59
Trong đó: khách quốc tế	lượt khách	30,005	31,000	31,197	32,000	103.97	3.97	100.64	0.64	102.57	2.57

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH năm 2016	NĂM 2017		KH năm 2018	SO SÁNH					
			NQ HĐND (KH)	UTH		UTH 2017 so với TH 2016		UTH 2017 so với KH (NQ) 2017		KH 2018 so với UTH 2017	
						So sánh %	Tỷ lệ tăng/giảm	So sánh %	Tỷ lệ tăng/giảm	So sánh %	Tỷ lệ tăng/giảm
1	2	3	4	5	6	7=5/3*100	8	9=5/4*100	10	11=6/5*100	12
+ Doanh thu Vận tải	tỷ đồng	47.04	48.40	73.13	75.00	155.46	55.46	151.10	51.10	102.56	2.56
Tổng lượt khách vận chuyên đường biển	lượt khách	50,000	60,000	114,040	120,000	228.08	128.08	190.07	90.07	105.23	5.23
Trong đó: Đội tàu Côn Đảo 09, 10 vận chuyên	lượt khách	41,379	50,000	51,572	50,000	124.63	24.63	103.14	3.14	96.95	-3.05
Tổng sản lượng hàng hoá vận chuyên đường biển	tấn	105,000	110,000	130,000	140,000	123.81	23.81	118.18	18.18	107.69	7.69
Tổng lượt khách vận chuyên đường bộ	lượt khách	155,000	160,000	162,000	200,000	104.52	4.52	101.25	1.25	123.46	23.46
Tổng sản lượng hàng hoá vận chuyên đường bộ	tấn	95,000	97,000	150,000	160,000	157.89	57.89	154.64	54.64	106.67	6.67
Tổng lượt khách vận chuyên đường hàng không	lượt khách	153,000	165,000	200,000	220,000	130.72	30.72	121.21	21.21	110.00	10.00
+ Doanh thu Bưu chính viễn thông	tỷ đồng	33.00	33.30	33.31	35.00	100.94	0.94	100.03	0.03	105.07	5.07
+ Dịch vụ khác	tỷ đồng	139.60	145.00	180.36	185.00	129.20	29.20	124.39	24.39	102.57	2.57
5/ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH											
Tổng thu ngân sách nhà nước	tỷ đồng	327.95	562.82	595.47	307.20	181.57	81.57	105.80	5.80	51.59	-48.41
Trong đó: Ngân sách huyện được hưởng	tỷ đồng	302.40	548.84	574.37	288.83	189.94	89.94	104.65	4.65	50.29	-49.71
Tổng chi ngân sách huyện	tỷ đồng	290.17	548.84	454.67	288.83	156.69	56.69	82.84	-17.16	63.53	-36.47
III/ VĂN HÓA - XÃ HỘI											
1/ GIÁO DỤC											
a. Số học sinh mầm non	cháu	809	894	894	1024	110.51	10.51	100.00	0.00	114.54	14.54
+ Số cháu đi nhà trẻ	cháu	305	340	340	401	111.48	11.48	100.00	0.00	117.94	17.94
+ Tỷ lệ các cháu vào nhà trẻ so với nhóm tuổi	%	64.60	67.60	68.55	68.55	106.11	6.11	101.40	1.40	100.00	0.00
+ Số cháu đi mẫu giáo	cháu	504	554	554	623	109.92	9.92	100.00	0.00	112.45	12.45
+ Tỷ lệ các cháu vào mẫu giáo so với nhóm tuổi	%	96.00	98.05	100.00	100.00	104.17	4.17	101.99	1.99	100.00	0.00
+ Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi	%	2.20	5.00	3.52	5.00	159.94	59.94	70.37	-29.63	142.10	42.10
b. Số học sinh phổ thông	h sinh	1,290	1,475	1,419	1,630	110.00	10.00	96.20	-3.80	114.87	14.87
+ Tiểu học	h sinh	643	695	709	775	110.26	10.26	102.01	2.01	109.31	9.31
+ Trung học cơ sở	h sinh	409	480	460	520	112.47	12.47	95.83	-4.17	113.04	13.04
+ Trung học Phổ thông	h sinh	238	300	250	335	105.04	5.04	83.33	-16.67	134.00	34.00

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH năm 2016	NĂM 2017		KH năm 2018	SO SÁNH					
			NQ HĐND (KH)	UTH		UTH 2017 so với TH 2016		UTH 2017 so với KH (NQ) 2017		KH 2018 so với UTH 2017	
						So sánh %	Tỷ lệ tăng/giảm	So sánh %	Tỷ lệ tăng/giảm	So sánh %	Tỷ lệ tăng/giảm
1	2	3	4	5	6	7=5/3*100	8	9=5/4*100	10	11=6/5*100	12
+ Số học sinh phổ thông trên một vạn dân	h sinh	1,848	2,077	2,018	2,296	109.23	9.23	97.16	-2.84	113.74	13.74
2/ VĂN HOÁ TT-TDTT											
- Mức hưởng thụ văn hoá	lần	30	30	30	31	100.00	0.00	100.00	0.00	103.33	3.33
- Tỷ lệ dân số tập luyện TDTT thường xuyên	%	30.00	31.00	31.00	32.00	103.33	3.33	100.00	0.00	103.23	3.23
- Tỷ lệ gia đình văn hoá đạt tiêu chuẩn	%	95.05	95.00	96.13	95.00	101.14	1.14	101.19	1.19	98.82	-1.18